



Số: 1009491/AISC/DN6

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009  
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc cùng ngày của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Tín từ trang 4 đến trang 29.

Việc lập, soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Quý Ngân Hàng. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở của Ý kiến Kiểm toán viên**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc của Ngân hàng. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến Kiểm toán viên**

Như đã trình bày ở thuyết số VI.24, trong niên độ này, Ngân hàng có ghi nhận một khoản dự thu lãi cho vay đối với Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển Vinashin số tiền 14.052.500.000 đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh mà chúng tôi cho rằng khoản dự thu này không có cơ sở chắc chắn, chưa phù hợp với nguyên tắc thận trọng. Nếu thực hiện theo đúng nguyên tắc này, lợi nhuận của Ngân hàng sẽ giảm với số tiền tương ứng. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm tương ứng 132 đồng.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các quy định của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2010

Kiểm Toán Viên

**TRẦN NGỌC HÙNG**  
Chứng chỉ KTV số 1084/ KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**Kế Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc**

**ĐẶNG NGỌC TÚ**  
Chứng chỉ KTV số 0213/ KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cau Giay Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng: 92 A Quang Trung St, Hải Châu Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ: 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St, Ninh Kiều Dist, Cần Thơ

Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bang Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 389 5619

Tel: (0710) 3813 004

Tel: (031) 3569 577

Fax: (04) 3782 0048

Fax: (0511) 389 5620

Fax: (0710) 3828 765

Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@aisc.com.vn

Email: aiscct@ang.vnn.vn

05  
NH  
LÀN  
C T  
CH  
P I



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Biểu số: B02/TCTD Ban hành theo Quyết định số  
16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của  
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. TÀI SẢN</b>			
<b>I. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ</b>	<b>V.1</b>	<b>82.573.995.174</b>	<b>41.724.685.341</b>
<b>II. TIỀN GỬI TẠI NHNN</b>	<b>V.2</b>	<b>62.992.385.122</b>	<b>590.982.935.725</b>
<b>III. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC</b>	<b>V.3</b>	<b>1.053.059.471.455</b>	<b>339.909.356.801</b>
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		1.052.859.471.455	339.909.356.801
2. Cho vay các TCTD khác		200.000.000	-
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
<b>IV. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH</b>	<b>V.4</b>	<b>35.939.813.668</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh		39.780.882.611	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.841.068.943)	-
<b>V. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC</b>	<b>V.5</b>		
<b>VI. CHO VAY KHÁCH HÀNG</b>		<b>5.188.280.323.147</b>	<b>1.622.172.946.532</b>
1. Cho vay khách hàng	<b>V.6</b>	5.213.995.810.177	1.624.279.861.368
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	<b>V.7</b>	(25.715.487.030)	(2.106.914.836)
<b>VII. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ</b>	<b>V.8</b>	<b>603.800.000.000</b>	<b>3.513.182.500</b>
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		600.000.000.000	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.800.000.000	3.513.182.500
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư			
<b>VIII. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>V.9</b>	<b>67.863.900.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh			
3. Đầu tư vào công ty liên kết			
4. Đầu tư dài hạn khác		67.863.900.000	
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
<b>IX. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>			
1. Tài sản cố định hữu hình	<b>V.10</b>	62.904.859.128	43.880.740.890
a. Nguyên giá TSCĐ		72.834.811.551	48.685.941.069
b. Hao mòn TSCĐ		(9.929.952.423)	(4.805.200.179)
2. Tài sản cố định thuê tài chính			
a. Nguyên giá TSCĐ			
b. Hao mòn TSCĐ			
3. Tài sản cố định vô hình	<b>V.12</b>	399.366.602.869	107.792.205.725
a. Nguyên giá TSCĐ		399.547.670.450	108.370.597.592
b. Hao mòn TSCĐ		(181.067.581)	(578.391.867)
<b>X. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ</b>			
a. Nguyên giá BĐSĐT			
b. Hao mòn BĐSĐT			
<b>XI. TÀI SẢN CÓ KHÁC</b>			
1. Các khoản phải thu	<b>V.14</b>	856.142.345.164	161.655.496.011
2. Các khoản lãi, phí phải thu		80.615.549.219	33.656.993.252
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
4. Tài sản Có khác	<b>V.14</b>	34.192.616.081	45.110.892.805
- Trong đó: Lợi thế thương mại			
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác			
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>8.527.731.861.027</b>	<b>2.990.399.435.581</b>



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009	
<b>B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>I. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN</b>		-	-	
<b>II. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC</b>		<b>V.17</b>	<b>2.185.821.783.739</b>	<b>320.687.790.211</b>
1. Tiền gửi của các TCTD khác		2.006.411.783.739	320.687.790.211	
2. Vay các TCTD khác		179.410.000.000	-	
<b>III. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG</b>		<b>V.18</b>	<b>3.896.487.496.581</b>	<b>2.015.543.685.452</b>
<b>IV. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC</b>		<b>V.5</b>	<b>47.500.000</b>	<b>-</b>
<b>V. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO</b>		<b>V.19</b>	<b>43.141.156.981</b>	<b>39.045.156.827</b>
<b>VI. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ</b>		<b>V.20</b>	<b>737.357.728.080</b>	<b>-</b>
<b>VII. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC</b>			<b>106.517.795.610</b>	<b>32.741.943.783</b>
1. Các khoản lãi, phí phải trả		69.712.479.033	26.940.042.999	
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	<b>V.21</b>	36.218.201.260	5.801.900.784	
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		587.115.317		
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>			<b>6.969.373.460.991</b>	<b>2.408.018.576.272</b>
<b>VIII. VỐN VÀ CÁC QUỸ</b>		<b>V.23</b>	<b>1.558.358.400.036</b>	<b>582.380.859.309</b>
1. Vốn của TCTD		1.502.815.333.852	552.715.293.852	
a. Vốn điều lệ		1.500.000.000.000	504.077.000.000	
b. Vốn đầu tư XD CB		1.018.893.852	1.018.893.852	
c. Thặng dư vốn cổ phần		1.796.440.000	47.619.400.000	
d. Cổ phiếu quỹ				
e. Cổ phiếu ưu đãi				
g. Vốn khác				
2. Quỹ của TCTD		9.693.748.953	6.367.667.080	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản				
5. Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		45.849.317.231	23.297.898.377	
<b>IX. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>				
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			<b>8.527.731.861.027</b>	<b>2.990.399.435.581</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành báo cáo này.

Trang 6



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>I. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN</b>	<b>VIII.39</b>	<b>87.784.181.569</b>	<b>302.522.301.001</b>
1. Bảo lãnh vay vốn			
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C			-
3. Bảo lãnh khác		87.784.181.569	302.522.301.001
<b>II. CÁC CAM KẾT ĐƯA RA</b>			
1. Cam kết tài trợ cho khách hàng			
2. Cam kết khác			

Long An, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Lập bảng

P. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Nguyễn Nhật Linh

Phạm Thị Thanh Thủy

Trần Sơn Nam



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Biểu số: B03/TCTD Ban hành theo Quyết định số  
16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của  
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.24	452.598.148.156	188.484.416.337
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.25	354.030.862.772	120.298.792.430
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>98.567.285.384</b>	<b>68.185.623.907</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.26	2.745.901.343	3.075.874.221
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	VI.26	2.631.174.313	1.235.981.368
<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.26</b>	<b>114.727.030</b>	<b>1.839.892.853</b>
<b>III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		<b>(842.954.142)</b>	<b>613.188</b>
<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>		<b>(7.565.886.986)</b>	
<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>16.180.000</b>
5. Thu nhập từ hoạt động khác		222.213.120.935	4.220.693.502
6. Chi phí hoạt động khác		107.698.260.616	35.892.782
<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>VI.31</b>	<b>114.514.860.319</b>	<b>4.184.800.720</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>VI.30</b>		
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	<b>VI.32</b>	<b>105.979.857.002</b>	<b>43.497.487.697</b>
<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>98.808.174.603</b>	<b>30.729.622.971</b>
<b>X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>24.645.578.614</b>	<b>1.899.664.000</b>
<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>74.162.595.989</b>	<b>28.829.958.971</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		28.475.992.094	8.072.388.512
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
<b>XII. Chi phí thuế TNDN</b>	<b>VI.33</b>	<b>28.475.992.094</b>	<b>8.072.388.512</b>
<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>45.686.603.895</b>	<b>20.757.570.459</b>
<b>XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>			
<b>XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>V.23.2</b>	<b>430</b>	<b>412</b>

Long An, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Trần Nguyễn Nhật Linh

  
Phạm Thị Thanh Thủy



  
Trần Sơn Nam